

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 40

Phần thiện tri thức của địa mười một. Phần đức thắng tiến có bốn ý:

- 1) Đức thắng tiến.
- 2) Nơi ở.
- 3) Tên.
- 4) Lễ tạ ra đi.

Ở cõi này: cảnh giới Phật. Vì sau khi gặp Ma Da, Thiện Tài đạt trí quán cõi Phật. (Ma Da như trước): hạnh Phổ Hiền vào đời độ sanh. (Năm vị trước cũng thế). Với lòng từ bi, vị này nương nguyện lực, phát trí huyển, thị hiện thành Phật, độ vô số chúng sanh. mười thiện tri thức:

- 1) Với lòng từ bi, Ma Da phát trí huyển thị hiện thành Phật độ sanh.
- 2) Công chúa Thiên Chủ Quang- con vua Chánh Niệm- của cõi 35 hiểu rõ mọi pháp.
- 3) Đồng tử, thầy của thế gian.
- 4) Thiện tri chúng nghệ: thông đạt mọi kỹ xảo.
- 5) Nữ cư sĩ Hiền Thắng độ sanh bằng mọi phương tiện.
- 6) trưởng giả Kiên Cố: ở đời nhưng không đắm nhiễm.
- 7) Trưởng giả Diệu Nguyệt: trí sáng trong đời.
- 8) Vô Thắng Quan: hiểu pháp không tướng.
- 9) Tối Tịch tịnh nghĩa la môn: thành tựu thiện ngữ.
- 10) Đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức: viên mãn bi trí.

Đoạn từ bấy giờ... có 11 ý:

- 1) (1,5 hàng) Thiện Tài tiến tu địa 11.
- 2) (1,5 hàng) Thiện Tài khen ngợi thân tướng tốt đẹp của Ma Da.
- 3) (36 hàng) thần chủ thành chỉ nơi ở.
- 4) (40,5 hàng) thần khen ngợi Ma Da, Ma Da phóng ánh sáng từ khoen tai chiếu đến Thiện Tài.

5) 10 cách gần gũi thiện tri thức.

6) (11 hàng) tu mười định để được gần gũi thiện tri thức.

7) (27 hàng) Thiện Tài quán thân như huyễn nên gặp Ma Da. (Ba phương tiện đạt 11 địa: giữ tâm; hiểu tính cùng khắp của âm thanh; 10 tam muội).

8) (31,5 hàng) Thiện Tài thấy rõ thân huyễn ảo của Ma Da.

9) (37,5 hàng) Ma Da hiện vô số thân, Thiện Tài cũng hiện vô số thân để cầu pháp.

10) (107 hàng) Ma Da giảng pháp.

11) (27 hàng) thời gian đạt pháp.

Ma Da có ba pháp:

1) Thổ tướng thanh tịnh bình đẳng không hình chất của Phật và chúng sanh.

2) Trí bình đẳng không nương tựa, không tạo tác của Phật và chúng sanh.

3) Che chở chỉ dạy chúng sanh bằng trí không tạo tác ấy.

Chúng sanh vốn đủ ba pháp ấy nhưng vì mê muội nên Bồ-tát mượn mười phương tiện nhắc chúng sánh hiểu pháp:

1) Nguyên độ tất cả chúng sanh thoát khổ ba cõi thành Phật.

2) Nguyên cúng dường tất cả các đức Phật.

3) Nguyên cầu học với các bậc tài trí, tuy đạt trí xảo nhưng không kiêu ngạo, luôn giữ tâm từ bi.

4) Độ sanh bằng bốn niệm xứ, bốn chánh cần, năm căn năm lực;

5) Quán 12 duyên bằng bảy phần giác.

6) Luôn sống với tám chánh đạo.

7) Đã đạt đạo, vào sáu cõi độ sanh, không riêng hưởng pháp lạc, hiểu rõ tướng tịnh nhiễm đều không.

8) Tu tập thông đạt pháp năm vị.

9) Nhớ hạnh nguyện, hành mười Ba-la-mật, tùy thuận hiện thân độ sanh.

10. Với thân từ bi phát trí rộng lớn chiếu soi khắp nơi, hành hạnh Phổ Hiền.

Đó là hạnh thành Phật, vào đời độ sanh. Vâng lời la sát dạy, Thiện Tài quán sát khắp mười phương, thấy hoa sen xuất hiện: ngoài thân tâm không có cảnh giới nào khác. Quán thân tâm như mộng huyễn: hiểu rõ tánh tướng của các pháp là một, trí huyễn hiện tiền là gặp Ma Da. Hoa sen xuất hiện: pháp thân thanh tịnh là thể, vô số hạnh đều từ pháp thân. Cộng sen bằng Kinh Cang: trí căn bản, tất cả hạnh và trí sai biệt

đều từ pháp thân trí căn bản. Mọi sự trang nghiêm của cõi nước cũng là nhân quả của trí ấy. Diệu bảo tạng: quả của hạnh từ bi. Cánh sen bằng ma ni: quả của hạnh thanh tịnh. Đài sen bằng ngọc báu sáng: quả của công dụng trí căn bản. Gương sen bằng ngọc: quả của năm phần hương. Lưới báu che bên trên: quả của hạnh thuyết pháp độ sanh. Lầu gác: quả của trí sai biệt. Dung nhiếp kho báu mười phương: quả của trí rộng lớn. Trang sức bằng ngọc báu: quả của hạnh vi diệu. Đất bằng kim cương: quả của pháp thân. Hàng ngàn trụ: vô số hạnh. Trụ bằng ma ni: quả của hạnh thanh tịnh. Vách bằng vàng diêm phù đàn: quả của hạnh nhu hòa nhẫn nhục. Xung quanh rải ngọc anh lạc: quả của hạnh độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Thời gian đạt pháp, cách vô số kiếp chỉ Phật biết được. Vì không có sự phân biệt thời gian. Dùng trí Phật, đoạn vọng chấp mới biết được. (kiếp số như trước). Kiếp Tịnh Quang: thể của kê 1p số là pháp thân. Cõi Tu Di đức: Bất động là thể của cõi nước. Tuy có vô số cõi nước nhưng cõi này không tịnh uế: tâm tịnh cõi nước tịnh, Vạn pháp không như. Nếu phân biệt tịnh uế, tâm bất định: trí bi rộng lớn. Cõi sư tử tràng: trí rộng lớn. Thành Tự Tại tràng: trí trong mười Ba-la-mật và tám chánh đạo. Vua Đại Oai Đức: trí tự tại vào đời nhưng không thoái chuyển. Giảng đường Mãn Nguyệt quang minh ở phía bắc thành: đoạn trừ vọng chấp. Thần Từ Đức: độ sanh bằng trí bi. Bồ-tát ly cấu tràng: hạnh từ pháp thân không nhiễm. Ác ma Kim Sắc Quang cùng quyến thuộc đến chỗ Bồ-tát, nhờ oai lực vua Oai Đức hóa hiện vô số binh chúng khiến ác ma chạy tán loạn: trong pháp thân, không có thật giả. Vì Bồ-tát chưa thấy đạt trí nên nương trí nhứt thiết để hiểu tâm cảnh là một, tùy thuận huyễn hóa, ác ma cũng là hạnh Phật. Thần Từ bi hoan hỷ: pháp vui vẻ. Thần xem vua như con: đoạn vọng chấp là trí, hành hạnh độ sanh là bi. Ở đây trí có từ bi. Vua là đức Tỳ-lô-giá-na. Thần là thiện tri thức: mượn ví dụ để chúng sanh dễ hiểu pháp, kỳ thật không có ác ma. Vì tâm không trong ngoài, vạn pháp không phân biệt, một nhiều dung hợp. Vô số đức Phật lúc sắp thành đạo đều phóng ánh sáng từ rốn chiếu đến thân ta và nhà ta: bi; cung; trí: điện nuôi dưỡng: nhà. Biển sanh tử: nơi ở. Rốn ở giữa bụng, khi thọ sanh, thai nhi sống bằng rốn. Như mầm cây, phần phát triển lên trên là thân cành, phần ăn sâu trong lòng đất là rễ. Cũng thế, từ bi là điều kiện chủ yếu sanh khởi trí huệ. (Ba lần tìm gặp Phổ Hiền như trước). Vua Chánh Niệm: trí thanh tịnh không vọng niệm, tự tại hiển hiện công dụng. Công chúa Thiên Chủ Quang: từ bi thanh tịnh, sự tự tại độ sanh không tạo tác. Giải thoát vô ngại niệm, đạt trí hiểu rõ ba đời trong một sát na, dung nhiếp không

đan xen trước sau. Đó là thời gian đạt pháp. Thiện tri thức thứ hai của địa mười một cũng hiển hiện trí rộng lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh không ngăn ngại. (thành Ca tỳ la như trước). Đồng tử sư: độ sanh bằng trung đạo như Khổng Tử- bậc thầy của thế gian tên Khổng Thâu, tự Trọng Ni: đạo Khiêm cung như núi Ni Khâu. Họ Khổng: đức, các bậc Thánh không có họ tên như thế gian. Khổng: cứu; Khâu: chỉ dạy mọi người. (sơn thuộc quẻ vấn như trước). Đức hơn người, kiên cố. Thiện Tài đến nơi, Biện Hữu không dạy pháp, bảo Thiện Tài đến chỗ Thiện Tri Chúng Nghệ; về cách dạy dỗ, không dạy lý thuyết, chỉ giúp học trò giải đáp những nghi vấn. Biện Hữu là thầy, đồng tử là học trò. Cũng như Khổng Tử và Nhan Hồi... Thiện Tài thành kính cầu pháp, đồng tử dạy: ta đạt giải thoát biết rõ mọi kỹ xảo, nhớ các chữ cai (như chữ A: không nhập Bát-nhã Ba-la-mật: oai lực Bồ-tát nhập cảnh giới không sai biệt. Hiểu rõ các pháp rộng lặng: oai lực Bồ-tát, đoạn hoặc chướng, nhập trí không dụng công, hiện khắp mọi nơi. Chữ Đa: nhập Bát-nhã vô biên sai biệt môn các pháp hữu vi là trí sai biệt, hạnh Phổ Hiền, hiểu rõ pháp tắc, hạnh nghiệp, sự hiểu biết của chúng sanh trong sáu cõi, tùy thuận hóa độ. Cứ thế từ 42 Bát-nhã Ba-la-mật nhập vô số Bát-nhã Ba-la-mật. Nữ cư sĩ Hiền Thắng: hiểu rõ pháp xuất thế và kỹ xảo thế gian, sống trong sanh tử độ thoát chúng sanh bằng nhiều phương tiện khác nhau. Song tất cả đều từ pháp thân Văn Thù, trí Phổ Hiền và quả Phật. Vị này chuyên tu thiền Ba-la-mật. Thành Bà Hằng Na (Hỷ Ích Tăng): làm lợi ích cho chúng sanh, chúng sanh được pháp lạc. Đạo tràng không nương tựa: pháp không nương dừng, thân cũng thế, hạnh vô số hạnh nhưng hạnh không thể tánh. Thành này ở phía nam Ấn. Thành Yêu Điền; đức trí độ sanh của thiện tri thức. Trưởng giả Kiên Cố giải Thoát: siêng năng cầu pháp. Pháp vô trước thanh tịnh niệm trang nghiêm: vị thứ sáu tu Bát-nhã Ba-la-mật, hiểu pháp không tướng nên không vọng chấp. Trưởng giả Diệu Nguyệt: độ sanh bằng phương tiện Ba-la-mật. Trí tịch diệt của địa Ba-la-mật là trí ở trong thế gian, phương tiện Ba-la-mật và từ bi là một. Vì trí có từ bi. Giải thoát Tịnh Trí Quang Minh: phá trừ hoặc chướng bằng ánh sáng trí bi. Thành Xuất Sanh: hạnh độ sanh từ nguyên Ba-la-mật của vị thứ tám. Trưởng giả Vô Thắng Quân chiến thắng tất cả tà mạn sinh tử ác độc. Giải thoát Vô Tận tướng: tất cả các pháp và nội tâm đều xuất hiện từ tướng Như Lai, Phát Khởi từ trí huyển nên đều không có tướng. Xóm pháp: xóm làng không thể tánh. Bà-la-môn Tối tịch tịnh: công dụng tự tại của lực Ba-la-mật. Giải thoát Thành nguyện ngữ: lời lẽ chơn thật, hợp tánh chơn như. Thành Diệu Ý

hoa môn: viên mãn trí hạnh. Đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức: trí bi quân binh. Giải thoát huyễn trụ: cõi Phật và chúng sanh đều từ trí huyễn, không phải thật, không phải hư, không có tình thức, không tân cảnh, tánh tướng dung hợp, một nhiều đan xen không trước sau. Đoạn gặp Từ Thị-Bồ-tát một đời thành Phật có 10 ý:

1) (Năm quyển) đồng tử đồng nữ khen ngợi đức của Từ Thị để Thiện Tài tiến tu.

2) (30 hàng) nhớ lại nhân xưa, Thiện Tài hồi hận, thành kính cúng dường, siêng năng học hỏi.

3) (32 hàng) Thiện Tài thành kính đảnh lễ, suy xét đạt pháp.

4) Chiêm ngưỡng lầu gác đẹp, khen ngợi đức Từ Thị.

5) Thiện Tài muốn gặp Di Lặc.

6) Thiện Tài trình bày sự phát tâm, Từ Thị khen ngợi.

7) Văn lầu gác Từ Thị, Thiện Tài biết rõ nhân quả.

8) (5,5 hàng) Từ Thị dạy Thiện Tài gặp Văn Thù, nhân quả dung hợp.

9) Sau khi đạt quả 1 đời thành Phật, Thiện Tài phát tâm rộng lớn, hiểu rõ pháp của 6 vị là 1. (việc Thiện Tài gặp Phổ Hiền, hiểu rõ mọi pháp như trước).

10) Phổ Hiền khen ngợi công đức độ sanh của quả Phật. Cõi Hải Ngạn: tiến tu đạt quả 1 đời thành Phật. Cõi này ở gần biển: trí Phật trong biển sanh tử. Về nơi ở của Từ Thị: vườn sanh tử, rừng vạn hạnh, trang nghiêm bi trí. Lầu Tỳ lô giá na: quả của trí căn bản và trí sai biệt. (ý nghĩa, công dụng thể tánh của lầu như trước). Phần 1 có 5 ý:

1) (20,5 hàng) chỉ nơi ở của Thiện tri thức và khuyên Thiện Tài cầu học.

2) (14 hàng) đồng tử Đức Sanh khen ngợi đức của Từ Thị để Thiện Tài tiến tu.

3) (49,5 hàng) đồng tử khuyên Thiện Tài học rộng.

4) (34 hàng) đồng tử khuyên Thiện Tài không nên tìm lỗi của thiện tri thức, nên siêng năng tu học để đạt phước đức.

5) Kính pháp để đạt quả Phật.

Kinh dạy: không nên phụng sự thiện tri thức bằng sáu độ mười địa; vì thuộc pháp xuất thế, chưa đoạn chấp tịnh, chướng ngại hạnh Phổ Hiền, không đạt quả tỳ lô giá na, chỉ đạt thân tướng tốt đẹp của hóa Phật. Sự trang nghiêm thân phước đức không phải là việc bỏ trang sức chán sanh tử mà là hiểu rõ vô minh chính là trí căn bản, tu tập hạnh phổ Hiền. (Các ý 2-5 như kinh). Bồ đề là nguồn gốc của hạnh nguyện

thần thông Bồ-tát, diệt khổ sanh tử, thanh tịnh phiền não, thành tựu nhất thiết trí. Vì tâm bồ đề không nương tựa nên không sanh diệt, tự tại vô ngại, chúng sanh và Phật là một, không phân biệt. Di lạc búng tay thành tiếng, cửa lâu tự mở: tiếng; chấn động; búng tay: đoạn trừ hoặc chướng tự hiểu pháp môn. Thiện Tài vào trong, cửa tự đóng: trí không trong ngoài xuất nhập mê ngộ. Lầu gác rộng lớn như hư không: cảnh giới của trí. Sự trang trí trong lầu gác là quả của trí bi hạnh nguyện. Bồ-tát Di Lạc cũng từng cúng dường Phật, thuyết pháp cho Thiện Tài: vì tánh của trí xưa nay vốn vậy, dung hợp ba đời, vượt trên thần thông. Dầu Suất La Sắc: máu của sương tuyết. Kinh dạy: thiện nam tử! lúc ta nguyện đạt trí thành tựu quả bồ đề người và Văn Thù đều thấy: trí dung hợp ba đời. Có ba ý:

- 1) (9 trang) đạt trí Phật, quán quả biết nhân, nhân quả là 1.
- 2) (9,5 hàng) Di Lạc thân thần, nhắc Thiện Tài trở về hiện tại.
- 3) (4 hàng) Thiện Tài hỏi pháp và xuất xứ của Di Lạc.
- 4) Pháp:
 - 1) Tên pháp giải thoát trang nghiêm.
 - 2) Nơi trở về.
 - 3) Nơi xuất phát.
 - 4) Nơi thọ sanh.

Tên pháp: nhập tam thế nhất thiết cảnh giới bất vong niệm trí trang nghiêm tạng. Nơi về: nơi ban đầu. Nơi xuất phát: trí huệ thần lực nơi Bồ-tát có hai phương diện. Về pháp: các Bồ-tát không đến đi; về sự: đến từ nước Ma La đề: trí đức siêu việt của bậc Thánh. Cù ba la con trưởng giả: sống trong pháp thanh tịnh, Từ Thị dạy học pháp Phật. Nơi thọ sanh: về pháp có 10:

- 1) Tâm bồ đề;
- 2) Thâm tâm;
- 3) Thiện tri thức;
- 4) Ba-la-mật;
- 5) Đại nguyện;
- 6) Đại bi;
- 7) Đại từ;
- 8) Sự quán sát đúng;
- 9) Đại thừa;
- 10) Giáo hóa chúng sanh.

Trí huệ phương tiện, Bát-nhã là mẹ, phương tiện là cha, bố thí là vú nuôi, giới là mẹ nuôi, trang sức bằng nhẫn nhục, nuôi lớn bằng tinh

tấn, tắm rửa bằng thiên định, thầy là thiện hữu, bạn là pháp bồ đề, bà con là pháp lành, anh em là Bồ-tát. Về sự: sanh trong nhà Bà-la-môn xóm Câu Sách nước Ba la đề côi Diêm phù. Xóm Câu Sách: (Da Gia) nhiều nhà ở chung trong một nhóm. Bà-la-môn: dòng thanh tịnh, trí không đắm nhiễm. Dạy pháp tùy sở thích chúng sanh: tùy thuận độ sanh bằng trí bi, biểu hiện phước trí vượt trên thế gian của Bồ-tát. Bồ-tát là người được thọ ký một đời thành Phật, như trưởng tử kế thừa sự nghiệp của cha, như thái tử kế thừa ngôi báu. Cũng thế, Bồ-tát đủ công dụng độ sanh như Phật. Vô số Bồ-tát Phổ Hiền xoa đầu Thiện Tài: viên mãn hạnh rộng lớn của Phật, dung hợp nhân quả của thế gian, có 10 ý:

1) (33,5 hàng) sự dung hợp đan xen của sáu vị.

2) (8 hàng) Thiện Tài thông đạt sự dung nhiếp nhân quả thế dụng.

Tài.

3) (11 hàng) Thiện Tài thấy mười tướng trang nghiêm.

4) (17 hàng) Thiện Tài thấy mười ánh sáng.

5) (57 hàng) hạnh nguyện và thân tướng của Phổ Hiền.

7) (13 hàng) Thiện Tài đạt mười trí.

8) (14 hàng) vô số Bồ-tát Phổ Hiền xoa đầu và khen ngợi Thiện

9) (60 hàng) sự lợi sanh của Bồ-tát Phổ Hiền.

10) Thiện Tài quán sát vô số thân tướng và đạt pháp.

- Phần kệ có ba ý:

1) (8 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền khuyên đại chúng nghe pháp.

2) (6 hàng) đại chúng vui nghe.

3) Công đức của Như Lai.

Đi qua 110 thành đến nước Phổ Môn: Phật và chúng sanh cùng

1 thể tánh, mọi pháp không trước sau, chuyên tâm mong gặp Văn Thù và thiện tri thức: tất cả đều từ trí thể của Văn Thù, dung hợp đan cài, không thể đo đếm. Phát tâm rộng lớn như hư không: từ thể trí kim cang thanh tịnh khởi vô số hạnh Phổ Hiền. Đó là nhân quả tu tập của các vị. Người tu hành nên suy xét thấu đạt ý này. Vì pháp không trước sau, dung nhiếp đan cài không cùng tận.

